

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06-02-2023

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Hồng Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Sĩ Hùng

Ông Phan Bảo Dương

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số 692/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 369/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Lan X; Sinh năm: 1963; Địa chỉ: số 82/14 đường N, khóm B, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T; Sinh năm: 1963; Địa chỉ: Nhà trọ 4 Thơm, đường L, khóm T, phường T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan X trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1985, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình, đã ly thân sống riêng từ năm 2000 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên tôi yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Ng, sinh ngày 25/10/1992 và Nguyễn Thị Hồng L, sinh ngày 16/8/1994. Hiện cháu Ng và cháu L đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Nguyễn Thái Gia B, sinh ngày 08/01/2003 có tên trong Sổ hộ khẩu là con riêng của ông T với người phụ nữ khác, hiện cũng đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Bà xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập ông T đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng ông T vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T là đúng quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lan X và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1985, tuy ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng đã không đăng ký kết hôn theo quy định. Tuy nhiên do bà X và ông T sống chung với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987, thuộc trường hợp quy định tại mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, nên quan hệ hôn nhân của ông, bà được công nhận là hôn nhân thực tế, được xác lập từ thời điểm các bên bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng là năm 1985.

Nay bà X xác định do mâu thuẫn không thể hòa giải bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2000 đến nay, vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Để tạo điều kiện cho bà X, ông T hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Tòa án tiến hành triệu tập các đương sự đến Tòa án để tiến hành hòa giải nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do, không gửi văn bản ý kiến về việc yêu cầu ly hôn của bà X, việc này cho thấy ông T đã tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh và cũng không có ý muốn hợp tác để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết, bà X kiên quyết xin ly hôn với ông T. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” và “vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Qua lời trình bày của bà X thấy rằng, hôn nhân của bà X và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan X về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà X xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Ng, sinh ngày 25/10/1992 và Nguyễn Thị Hồng L, sinh ngày 16/8/1994. Hiện chị Ng và chị L đã trưởng thành có cuộc sống riêng,

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Đương sự xác định không có nợ chung và không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 8, 9, 14, 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Lan X về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lan X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình số tiền 300.000 đồng, ngày 06/12/2022, bà X nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002570 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, chuyển thu ngân sách nhà nước.

Bà X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- UBND phường 4, Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Xuyên